

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST.

Ngày: 16/3/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.
2. Bà Pang Ting Suyl.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/TLST-DS ngày 13/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 21/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-DS ngày 01/3/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Thiệu Xuân Ch, sinh năm: 1958.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H ủy quyền cho ông Ch tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2020.

2. **Đồng bị đơn:**

2.1. Vợ chồng ông Lê Xuân Đ, sinh năm: 1960.

Bà Nguyễn Hồng B, sinh năm: 1964.

2.2. Anh Lê Tuấn A, sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Hồng B, anh Lê Tuấn A ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2020.

(Ông Ch, bà H có mặt, ông Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn vợ chồng ông Thiệu Xuân Ch trình bày: Ngày 18/4/2020 vợ chồng ông có thỏa thuận với vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A về việc vay tiền, sau khi thỏa thuận vợ chồng ông cho vợ chồng ông Đ, bà B và anh Anh (con trai ông Đ, bà B) vay số tiền 700.000.000đ. Việc vay tiền hai bên có viết giấy biên nhận tiền với nhau, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 18/4/2020 vợ chồng ông Đ, bà B và anh Anh phải trả số tiền gốc và tiền lãi cho ông bà theo thỏa thuận. Đến hạn vợ chồng ông đã yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà B và anh Tuấn A trả số tiền gốc và tiền lãi nhưng ông Đ, bà B, anh Tuấn A không trả tiền cho vợ chồng ông theo thỏa thuận. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà B và anh Tuấn A trả cho vợ chồng ông bà số tiền gốc là 700.000.000đ và tiền lãi 1,6%/tháng, thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 18/4/2020 cho đến nay. Ngoài ra vợ chồng ông không yêu cầu gì thêm

- Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn ông Lê Xuân Đ trình bày: Vào khoảng năm 2013 đến năm 2014, vợ chồng ông bà có thỏa thuận vay tiền của vợ chồng ông Ch, bà H nhiều lần, cụ thể từng lần ông không nhớ; lần vay nhiều nhất là 200.000.000đồng, lần ít nhất là 50.000.000đồng, mỗi lần vay tiền hai bên có viết giấy tay với nhau. Tổng cộng số tiền gốc vay là 700 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2,5%/tháng, sau khi vay tiền về đầu tư làm ăn vợ chồng ông vẫn trả tiền lãi suất cho vợ chồng ông Ch, bà H đầy đủ. Đến đầu năm 2020 do dịch bệnh vợ chồng ông làm ăn thua lỗ nên không trả được tiền lãi cho vợ chồng ông Ch, bà H theo thỏa thuận. Đến ngày 18/4/2020 hai bên thỏa thuận viết lại giấy vay tiền, vợ chồng ông nợ vợ chồng ông Ch, bà H số tiền gốc là 700.000.000đ, còn tiền lãi thì hai bên thỏa thuận tính theo lãi suất của Ngân hàng. Sau khi viết lại giấy vay tiền vợ chồng ông trả 8.000.000đồng tiền lãi suất cho vợ chồng ông Ch, bà H và từ tháng 5/2020 đến nay vợ chồng ông chưa trả tiền lãi suất cho vợ chồng ông Ch, bà H. Nay vợ chồng ông Ch, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền gốc là 700.000.000 đồng tiền gốc thì vợ chồng ông đồng ý, còn khoản tiền lãi thì vợ chồng ông không đồng ý trả lãi 1,6%/tháng theo yêu cầu của vợ chồng ông Ch, bà H. Vì khi hai bên viết lại giấy vay tiền (18/4/2020) ông Ch thỏa thuận miệng lãi suất là 0,8%/tháng. Nay tại Tòa án vợ chồng ông đồng ý trả lãi suất là 0,8%/tháng, thời gian tính lãi từ tháng 5/2020 đến nay cho vợ chồng ông Ch. Đối với số tiền nợ trên các con ông (Tuấn Anh và Tuấn) không liên quan đến việc vợ chồng ông vay tiền của vợ chồng ông Ch, bà H. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Thiệu Xuân Ch bà Nguyễn Thị H, buộc vợ chồng ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Hồng B và anh Lê Tuấn A phải trả cho ông Ch, bà H số tiền gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi suất là 0,8%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 18/4/2020 cho đến ngày xét xử 16/3/2021.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ch, bà H đối với yêu cầu anh Lê Phạm T.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa đồng bị đơn vợ chồng ông Đ bà B, anh Anh vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên cần căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt vợ chồng ông Đ, bà B, anh Anh là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc vợ chồng ông Ch, bà H cho vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A và anh T vay số tiền 700.000.000đồng vào ngày 18/4/2020, việc vay tiền giữa các bên có viết giấy tay, thời hạn vay là 01 tháng vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A, anh T phải trả tiền gốc và tiền lãi cho vợ chồng ông Ch, bà H. Đến hạn vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A, anh T không trả tiền gốc và tiền lãi cho vợ chồng ông Ch, bà H nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 18/4/2020 vợ chồng ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Hồng B, anh Lê Tuấn A, anh Lê Phạm T có thỏa thuận với vợ chồng ông Thiệu Xuân Ch, bà Nguyễn Thị H để vay số tiền 700.000.000đ, giữa hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, thời hạn trả vào ngày 18/5/2020. Đến hạn vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A, anh T không trả tiền cho vợ chồng ông Ch, bà H theo thỏa thuận, vợ chồng ông Ch, bà H đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A, anh T không trả tiền gốc và tiền lãi suất nên vợ chồng ông Ch, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A, anh T phải trả cho ông, bà số tiền gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi suất là 1,6%/tháng, thời gian tính tiền lãi từ kể từ ngày 18/4/2020 cho đến ngày xét xử. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông Lê Xuân Đ ngày 06/10/2020 cho rằng: Vào những năm 2013; năm 2014 vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A có vay nhiều lần tiền của vợ chồng ông Ch, bà H, số tiền vay nhiều nhất 200.000.000đồng, lần vay ít nhất là 50.000.000đ, trong thời gian vay tiền về đầu tư làm ăn vợ chồng ông bà vẫn trả tiền lãi cho vợ chồng ông Ch, bà H đầy đủ. Đến năm 2020 do dịch bệnh nên vợ chồng ông bà không trả được tiền lãi cho vợ chồng ông Ch, bà H. Đến ngày 18/4/2020 hai bên thỏa thuận viết lại giấy vay tiền, vợ chồng ông bà còn nợ vợ chồng ông Ch, bà H số tiền gốc là 700.000.000đ, lãi suất thỏa thuận miệng là 0,8%/tháng, thời gian vay là 01 tháng vợ chồng ông bà phải trả cho vợ chồng ông Ch, bà H số tiền gốc và tiền lãi. Nay vợ chồng ông Ch, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà B cùng anh Tuấn A phải trả số tiền gốc là 700.000.000đ thì ông Đ đại diện đồng bị đơn đồng ý trả cho vợ chồng ông Ch, bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần buộc vợ chồng ông Đ, bà B và anh Tuấn A phải trả cho vợ chồng ông Ch, bà H số tiền gốc là 700.000.000đ. Đối với khoản tiền lãi suất đồng bị đơn chỉ chấp nhận trả lãi suất 0,8%/tháng cho vợ chồng ông Ch, bà H, thời gian tính tiền lãi từ ngày viết giấy vay tiền 18/4/2020 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông Ch, bà H rút một phần yêu cầu tiền lãi suất đối với vợ chồng ông Đ, bà B và anh Tuấn A, yêu cầu trả lãi là 0,8%/tháng thời gian tính tiền lãi từ ngày 18/4/2020 cho đến ngày xét xử. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu tiền lãi suất của vợ chồng ông Ch, bà H là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy cần buộc vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A phải trả tiền lãi là 0,8% tháng, thời gian tính lãi từ ngày 18/4/2020 là phù hợp.

Tiền lãi được tính như sau: Ngày 18/4/2020 đến ngày 16/3/2021 là 11 tháng 26 ngày; $700.000.000đ \times 0,8\%/tháng \times 11 tháng = 61.600.000đ$; $700.000.000đ \times 26 ngày \times 0,8\%/tháng : 30 ngày = 4.853.000đ$; Cần buộc vợ chồng ông Đ, bà B, anh Anh phải trả số tiền lãi suất cho vợ chồng ông Ch, bà H là 66.453.000đ.

Tại đơn khởi kiện của vợ chồng ông Ch, bà H yêu cầu anh Lê Phạm T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền cùng vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A. Trong thời gian giải quyết vụ án, ông Ch, bà H đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với anh T nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của vợ chồng ông Ch, bà H là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Đ có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người cao tuổi được chính quyền địa phương xác nhận. Theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ. Đồng bị đơn bà B và anh Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Thiệu Xuân Ch, bà Nguyễn Thị H. Buộc vợ chồng ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Hồng B, anh Lê Tuấn A phải trả cho vợ chồng ông Ch, bà H tiền gốc là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) và 66.453.000đ (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền lãi suất. Cộng chung tiền gốc và tiền lãi là 766.453.000đ (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng). Vợ chồng ông Đ, bà B, anh Tuấn A tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày tiếp theo (17/3/2021) cho đến khi trả hết số tiền gốc.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Hồng B phải nộp 11.552.500đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, buộc anh Lê Tuấn A phải nộp 11.552.500đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Xuân Đ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/3/2021) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn